

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HS-ST

Ngày: 13-01-2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Huyền

Ông Nguyễn Mạnh Thương

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải -Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thành Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 27/2022/TLST - HS ngày 01 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST - HS ngày 29 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị L (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1974 tại tỉnh Hà Nam; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi bị bắt: Khu 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Xuân T, sinh năm 1937 và bà Trần Thị M, sinh năm 1938; Chồng: Nguyễn Văn T1 (đã chết); Con: Có 01 con sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/3/2022, tạm giam từ ngày 25/3/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Trần Thị X, sinh năm 1981-Trú tại: Khu 4, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

2. Bà Trịnh Hồng H, sinh năm 1991- Trú tại: Khu 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

3. Bà Mùa Thị M, sinh năm 1983 - Trú tại: Khu 2, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

4. Bà Chèo Mỹ N, sinh năm 1987 - Trú tại: Khu 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1979 - Trú tại: Khu 2, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong thời gian từ cuối năm 2018 đến đầu năm 2022, Nguyễn Thị L đã sử dụng tiền của gia đình rồi cho nhiều người khác vay với lãi suất cao nhằm mục đích thu lợi bất chính, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng tháng 10/2018, Trần Thị X đến gặp Nguyễn Thị L đặt vấn đề vay số tiền 50.000.000 đồng, L đồng ý cho vay với lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Sau khi thỏa thuận và viết giấy vay tiền, L lấy 50.000.000 đồng tiền mặt đưa cho X vay. Từ khi vay tiền đến ngày 27/11/2018, X đến gặp L trả số tiền 12.500.000 đồng, trong đó trả trước 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.500.000 đồng tiền lãi của khoản vay này, đồng thời cả hai chốt lại tiền gốc của khoản vay là 40.000.000 đồng rồi viết giấy vay nợ mới, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương 6.000.000 đồng/tháng).

Từ ngày 27/11/2018 đến ngày 18/01/2020, Trần Thị X đều trả tiền lãi đầy đủ cho L theo thỏa thuận mỗi tháng 6.000.000 đồng với tổng số tiền 84.000.000 đồng bằng hình thức trả tiền mặt và chuyển vào số tài khoản 7803205041*** của Nguyễn Thị L, gồm: Ngày 27/12/2018 chuyển khoản trả 6.000.000 đồng; ngày 30/01/2019 chuyển khoản trả 6.000.000 đồng; ngày 26/3/2019 chuyển khoản trả 12.000.000 đồng của tháng 02 và tháng 3/2019; tháng 4/2019 trả tiền mặt 6.000.000 đồng; ngày 23/5/2019 chuyển khoản trả 6.000.000 đồng; ngày 24/6/2019 chuyển khoản trả 12.000.000 đồng tiền lãi của tháng 6 và tháng 7/2019; các tháng 8, 9, 10, 11/2019 mỗi tháng trả 6.000.000 đồng tiền mặt; ngày 18/01/2020 chuyển khoản trả 12.000.000 đồng tiền lãi của tháng 12/2019 và tháng 01/2020. Đến ngày 15/5/2020, X trả cho L 10.000.000 đồng tiền gốc rồi chốt số tiền còn nợ là 30.000.000 đồng và viết giấy vay tiền mới, được L giảm lãi suất cho vay xuống còn 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương 2.700.000 đồng/tháng).

Từ ngày 15/5/2020 đến ngày 19/5/2021, X nhiều lần trả tiền lãi cho L theo thỏa thuận mỗi tháng 2.700.000 đồng với tổng số tiền 32.400.000 đồng bằng hình thức trả tiền mặt và chuyển vào số tài khoản của L, gồm: Ngày 15/6/2020 chuyển khoản trả 2.700.000 đồng; từ tháng 7/2020 đến tháng 02/2021 trả mỗi tháng 2.700.000 đồng tiền mặt; ngày 19/4/2021 chuyển khoản trả 5.400.000 đồng tiền lãi của tháng 3/2021 và tháng 4/2021; ngày 19/5/2021, X trả cho L 32.700.000 đồng, trong đó 30.000.000 đồng tiền gốc và 2.700.000 đồng tiền lãi của tháng 5/2021. Hiện tại X không còn nợ tiền của Nguyễn Thị L.

Như vậy, Nguyễn Thị L đã cho Trần Thị X vay 40.000.000 đồng trong thời gian 536 ngày (từ ngày 27/11/2018 đến ngày 15/5/2020) với lãi suất 143,00%/năm, gấp 7,15 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và thu được 84.000.000 đồng tiền lãi. Theo quy định của pháp luật thì lãi suất L được hưởng khi cho vay không quá 20%/năm tương đương với số tiền 11.747.945 đồng, nên số tiền mà Nguyễn Thị L thu lợi bất chính khi cho X vay lãi nặng là: 84.000.000 đồng - 11.747.945 đồng = 72.252.055 đồng. Từ ngày 15/5/2020 đến ngày 19/5/2021 (370 ngày), Nguyễn Thị L đã cho Trần Thị X vay 30.000.000 đồng với lãi suất 106,54%/năm, gấp 5,33 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và thu được 32.400.000 đồng tiền lãi. Theo quy định của pháp luật thì lãi suất L được hưởng khi cho vay không quá 20%/năm tương đương với số tiền 6.082.192 đồng, nên số tiền mà Nguyễn Thị L thu lợi bất chính khi cho X vay lãi nặng là: 32.400.000 đồng - 6.082.192 đồng = 26.317.808 đồng.

Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Thị L thu lợi bất chính khi cho Trần Thị X vay lãi nặng là: 72.252.055 đồng + 26.317.808 đồng = 98.569.863 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 31/10/2019, Trịnh Hồng H đến gặp Nguyễn Thị L đặt vấn đề vay số tiền 100.000.000 đồng, L đồng ý cho vay dưới hình thức tín chấp với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương 9.000.000 đồng/tháng). Sau khi thỏa thuận L lấy tiền mặt đưa cho H vay mà không yêu cầu H phải viết giấy vay tiền. Từ ngày vay tiền đến ngày 28/6/2021, H sử dụng tài khoản Ngân hàng Agribank số 7803205030***và tài khoản Ngân hàng BIDV số 36210000086*** (đều mang tên chồng là Bùi Đức L) 21 lần chuyển trả tiền lãi vào tài khoản Ngân hàng Agribank số 7803205041***của Nguyễn Thị L với tổng số tiền 153.000.000 đồng, gồm: Ngày 08/11/2019 chuyển 3.000.000 đồng; ngày 18/11/2019 chuyển 3.000.000 đồng; ngày 26/11/2019 chuyển 3.000.000 đồng; ngày 09/12/2019 chuyển 6.000.000 đồng; ngày 24/12/2019 chuyển 3.000.0000 đồng; ngày 09/01/2020 chuyển 3.000.0000 đồng; Ngày 20/01/2020 chuyển 6.000.000 đồng; ngày 25/02/2020 chuyển 9.000.000 đồng; ngày 23/3/2020 chuyển 9.000.000 đồng; ngày 27/4/2020 chuyển 9.000.000 đồng; ngày 22/5/2020 chuyển 9.000.000 đồng; ngày 26/6/2020 chuyển 9.000.000 đồng; ngày 28/7/2020 chuyển 9.000.000 đồng; ngày 24/8/2020 chuyển 9.000.000 đồng; ngày 25/9/2020 chuyển 9.000.000 đồng; ngày 26/10/2020 chuyển 9.000.000 đồng; ngày 26/11/2020 chuyển 9.000.000 đồng; ngày 25/12/2020 chuyển 9.000.000 đồng; ngày 26/01/2021 chuyển 9.000.000 đồng; ngày 24/4/2021 chuyển 9.000.000 đồng; ngày 28/6/2021 chuyển 9.000.000 đồng. Ngoài ra H còn 03 lần trả tiền lãi cho L trực tiếp bằng tiền mặt tại nhà L với tổng số tiền 27.000.000 đồng, gồm: tháng 02/2021 trả 9.000.000 đồng; tháng 3/2021 trả 9.000.000 đồng; tháng 5/2021 trả 9.000.000 đồng. Đến ngày 26/7/2021, H đến nhà

gặp L trả tiền gốc đã vay 100.000.000 đồng bằng hình thức trả tiền mặt và được L miễn số tiền lãi còn thiếu.

Như vậy, Nguyễn Thị L đã cho Trịnh Hồng H vay 100.000.000 đồng trong thời gian 635 ngày (từ ngày 31/10/2019 đến ngày 26/7/2021) với lãi suất 103,46%/năm, gấp 5,17 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và thu được 180.000.000 đồng tiền lãi. Theo quy định của pháp luật thì lãi suất L được hưởng khi cho vay không quá 20%/năm tương đương với số tiền 34.794.521 đồng, nên số tiền mà Nguyễn Thị L thu lợi bất chính khi cho H vay lãi nặng là: 180.000.000 đồng - 34.794.521 đồng = 145.205.479 đồng.

Lần thứ ba: Ngày 14/7/2020, Mùa Thị M đến gặp Nguyễn Thị L đặt vấn đề vay số tiền 100.000.000 đồng, được L đồng ý cho vay với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, cứ 10 ngày M phải trả lãi cho L một lần với số tiền 4.000.000 đồng và M phải để lại 01 giấy chứng minh nhân dân để tín chấp. Sau khi thỏa thuận và viết giấy vay nợ số tiền trên, L sử dụng tài khoản số 7803205041*** hai lần chuyển tổng số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng Agribank số 7803205019*** của Mùa Thị M. Từ ngày vay tiền, M đã sử dụng tài khoản Ngân hàng của mình 07 lần chuyển tiền lãi vào tài khoản Ngân hàng của L trả tổng số tiền 27.000.000 đồng tiền lãi, gồm: Ngày 16/7/2020 chuyển 4.000.000 đồng; ngày 25/7/2020 chuyển 4.000.000 đồng; ngày 04/8/2020 chuyển 4.000.000 đồng; ngày 14/8/2020 chuyển 4.000.000 đồng; ngày 24/8/2020 chuyển 4.000.000 đồng; ngày 05/9/2020 chuyển 4.000.000 đồng; ngày 22/9/2020 chuyển 3.000.000 đồng. Đến đầu tháng 10/2020, M nói với chồng là ông Nguyễn Mạnh H biết về việc đang vay của Nguyễn Thị L số tiền 100.000.000 đồng nên H đến hỏi L thì được biết M đang nợ L số tiền 110.000.000 đồng, ngày 13/10/2020 H đem số tiền 110.000.000 đồng đến trả cho L rồi lấy giấy vay tiền, giấy chứng minh nhân dân của M về.

Như vậy, Nguyễn Thị L đã cho Mùa Thị M vay 100.000.000 đồng trong thời gian 92 ngày (từ ngày 14/7/2020 đến ngày 13/10/2020) với lãi suất 146,79%/năm, gấp 7,34 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và thu được 37.000.000 đồng tiền lãi. Theo quy định của pháp luật thì lãi suất L được hưởng khi cho vay không quá 20%/năm tương đương với số tiền 5.041.096 đồng, nên số tiền mà Nguyễn Thị L thu lợi bất chính khi cho M vay lãi nặng là: 37.000.000 đồng - 5.041.096 đồng = 31.958.904 đồng.

Lần thứ tư: Ngày 24/02/2022, Chèo Mỹ N đến gặp Nguyễn Thị L đặt vấn đề vay số tiền 1.000.000.000 đồng, vì L không có sẵn tiền để cho vay mà phải rút tiền trong sổ tiết kiệm trước thời hạn nên bị thiệt hại 6.000.000 đồng, N đồng ý sẽ trả cho L phần thiệt hại do rút sổ tiết kiệm trước thời hạn, đồng thời cả hai thống nhất L cho N vay 1.000.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, N

phải thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mẹ chồng mang tên Triệu Thị T. Sau khi thỏa thuận và viết giấy vay tiền, N sử dụng tài khoản của mình chuyển vào tài khoản Lan, số 030713180*** mở tại Ngân hàng Bưu điện Liên Việt số tiền 6.000.000 đồng, sau đó L làm thủ tục rút sổ tiết kiệm và chuyển vào tài khoản N, số 209374580*** mở tại Ngân hàng Bưu điện Liên Việt số tiền 1.000.000.000 đồng. Từ khi vay tiền đến ngày 03/3/2022, N liên lạc qua điện thoại cho L chốt tiền lãi của khoản vay đến ngày 03/3/2022 theo thỏa thuận là 40.000.000 đồng (tương đương 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày như thỏa thuận) và thỏa thuận lại từ ngày 04/3/2022, L tính tiền lãi của khoản vay là 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Đến ngày 04/3/2022, N sử dụng tài khoản của mình chuyển số tiền 40.000.000 đồng tiền lãi vào số tài khoản của Nguyễn Thị L. Từ đó đến nay, N chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho Nguyễn Thị L.

Như vậy, Nguyễn Thị L đã cho Chèo Mỹ N vay 1.000.000.000 đồng trong thời gian 08 ngày (từ ngày 24/02/2022 đến ngày 03/03/2022) với lãi suất 182,50%/năm, gấp 9,13 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và thu được 40.000.000 đồng tiền lãi. Theo quy định của pháp luật thì lãi suất L được hưởng khi cho vay không quá 20%/năm tương đương với số tiền 4.383.562 đồng, nên số tiền mà Nguyễn Thị L thu lợi bất chính khi cho N vay lãi nặng là: 40.000.000 đồng - 4.383.562 đồng = 35.616.438 đồng.

Toàn bộ số tiền gốc, tiền lãi thu được khi cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vay lãi nặng, bị cáo Nguyễn Thị L đã sử dụng và chi tiêu hết.

Tại Cơ quan điều tra bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội, tuy nhiên tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về các vấn đề khác của vụ án:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Đối với 01 điện thoại di động kèm theo sim là của bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội; các thẻ, giấy tờ, sổ sách ...và số tiền 73.000.000 đồng mà Cơ quan điều tra thu giữ là những tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã phong tỏa tài khoản số 7803205041*** của Nguyễn Thị L, mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam-Chi nhánh tỉnh Lai Châu với số tiền 18.008.859 đồng; phong tỏa các tài khoản của Nguyễn Thị L mở tại Ngân hàng LienVietPos Bank-Chi nhánh tỉnh Lai Châu, gồm: Tài khoản số 030713180*** với số tiền 467.159 đồng; tài khoản số 030713180*** với số tiền 900.000.000 đồng; tài khoản số 030713180*** với số tiền 150.000.000 đồng; tài khoản số 030713180*** với số tiền 300.000.000 đồng; phong tỏa tài khoản của Nguyễn Thị L số

AB 2564*** tại Quỹ tín dụng nhân dân N với số tiền 600.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị X, bà Trịnh Hồng H, bà Mùa Thị M, bà Chèo Mỹ N trình bày: Thời gian, số tiền vay, số tiền lãi và số tiền đã trả phù hợp với lời khai của bị cáo Nguyễn Thị L.

Trong quá trình điều tra, người làm chứng Nguyễn Mạnh H trình bày thời gian, địa điểm, số tiền vay, số tiền trả giữa bị cáo Nguyễn Thị L và bà Mùa Thị M phù hợp với lời khai của bị cáo L và bà M.

Ngoài những lần cho vay lãi nặng nêu trên, theo lời khai và trình báo của nhiều người khác thì bị cáo Nguyễn Thị L còn nhiều lần cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nhưng số tiền thu lợi bất chính mỗi lần đều dưới 30.000.000 đồng, gồm: Từ ngày 01/12/2021 đến ngày 17/12/2021, Nguyễn Thị L cho bà Hà Thị T sinh năm 1979, trú tại khu 2, thị trấn S, huyện S vay 150.000.000 đồng với lãi suất 109,50%/năm, gấp 5,48 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự thu lợi bất chính số tiền 6.252.740 đồng; Vào năm 2020, ông Tòng Văn Đ sinh năm 1987, trú tại khu 3, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu thế chấp giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe, sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay của Nguyễn Thị L số tiền 100.000.000 đồng trong thời hạn 02 ngày với lãi suất 2.000.000 đồng (tương đương 365%/năm), L thu lợi bất chính 1.890.411 đồng; Từ ngày 06/12/2021 đến ngày 08/12/2021 Nguyễn Thị L tiếp tục cho ông Tòng Văn Đ vay 50.000.000 đồng dưới hình thức vay tín chấp bằng giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe và không phải thế chấp tài sản với lãi suất 243,3% /năm, gấp 12,165 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và thu lợi bất chính số tiền 917.808 đồng; Trong thời gian từ ngày 29/11/2019 đến ngày 07/9/2020, ông Nguyễn Văn C sinh năm 1986, trú tại khu 1, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu 14 lần thế chấp xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius màu sơn đen bạc vay L tổng số tiền 70.500.000 đồng với lãi suất 331,82 đến 657 %/năm, gấp 16,59 đến 32,85 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và thu lợi bất chính tổng số tiền 1.617.265 đồng; Trong thời gian từ ngày 07/7/2020 đến ngày 09/7/2020, bà Mùa Thị M sinh năm 1983, trú tại khu 3, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu vay của Nguyễn Thị L 100.000.000 đồng dưới hình thức vay tín chấp bằng giấy chứng minh nhân dân với lãi suất 3.000.000 đồng/03 ngày (tương đương 365%/năm) gấp 18,25 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và thu lợi bất chính số tiền 2.835.616 đồng; Vào tháng 10/2019, ông Chèo Diến P sinh năm 1974, trú tại bản B, xã T, huyện S, tỉnh Lai Châu thế chấp xe mô tô của mình để vay của L số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương 182,50%/năm, gấp 9,13 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), L thu lợi bất chính 155.822 đồng; Từ ngày 26/02/2020 đến ngày 15/12/2020 bà Trịnh

Hồng H nhiều lần khác vay tiền của Nguyễn Thị L dưới hình thức vay tín chấp với lãi suất từ 97,33%/năm đến 109,50%/năm, gấp 4,86 lần đến 5,48 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, mỗi lần cho vay L thu lợi bất chính dưới 30.000.000 đồng; Ngày 01/10/2019, bà Chèo Mỹ D sinh năm 1980 và ông Tần A S sinh năm 1979 cùng trú tại khu 4, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu vay của Nguyễn Thị L số tiền 350.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương 109,5%/năm, gấp 5,48 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), L thu lợi bất chính 17.164.384 đồng; Ngày 01/12/2021 ông Tần A S tiếp tục đến gặp L thế chấp xe mô tô biển kiểm soát 25B1 - 046.76 vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương 182,50%/năm, gấp 9,13 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), L thu lợi bất chính 2.649.315 đồng; Vào ngày 01/8/2019 ông Chèo A C sinh năm 1988 trú tại bản S1, xã T, huyện S thế chấp chiếc xe mô tô biển kiểm soát 25B1-54262 kèm đăng ký xe để 02 lần vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương 182,50%/năm, gấp 9,13 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự) nhưng sau đó do quá hạn nên L đã bán chiếc xe nêu trên. Đối với những lần cho vay này, mặc dù lãi suất cho vay vượt quá 05 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự nhưng số tiền thu lợi bất chính đều dưới 30.000.000 đồng, quá trình cho vay bị cáo không cầm cố tài sản nên không thuộc trường hợp bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc có cầm cố tài sản nhưng đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên không đủ cơ sở để cộng dồn, xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo về những lần cho vay này.

Ngoài ra bị cáo Nguyễn Thị L còn nhiều lần khác cho vay tiền với lãi suất dưới 05 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, hoặc không lấy lãi suất, gồm: Bà Hà Thị T sinh năm 1979, trú tại khu 2, thị trấn S, huyện S vay 200.000.000 đồng với lãi suất 73%/năm; bà Trần Thị X sinh năm 1981, trú tại khu 4, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu vay 50.000.000 đồng và thu được 2.500.000 đồng tiền lãi (tương đương lãi suất 31,47%/năm); 03 lần cho bà Nguyễn Thị Ngọc B sinh năm 1977, trú tại khu 2, thị trấn S, huyện S vay tiền với lãi suất từ 54,75%/năm đến 68,44 %/năm; 03 lần cho bà Trần Thị Bích T sinh năm 1984, trú tại khu 1, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu vay tiền nhưng không lấy lãi suất; Ông Chèo Ván P sinh năm 1985, trú tại bản T, xã T, huyện S, tỉnh Lai Châu vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương 73%/năm); Ông Lù A Đ sinh năm 1990, trú tại khu 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu vay 30.000.000 đồng không lấy lãi suất; 02 lần cho ông Lý A G sinh năm 1985, trú tại khu 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu vay tổng số tiền 210.000.000 đồng không lấy lãi suất; Ông Triệu Chính Đ sinh năm 1993, trú tại khu 1, thị trấn S,

huyện S, tỉnh Lai Châu vay số tiền 7.000.000 đồng không thỏa thuận lãi suất, ông Đ chưa trả tiền lãi. Đối với những lần cho vay này, kết quả điều tra xác định có trường hợp bị cáo cho vay không lấy lãi suất, hoặc tính lãi suất cao nhất là 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương 73%/năm, gấp 3,65 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự nên không phạm tội.

Đối với một số người gồm: Ông Tần A S sinh năm 1985, trú tại bản N, xã P, huyện S; Ông Phòng A P sinh năm 1990, trú tại bản H, xã P, huyện S; Ông Tần Xoàn N sinh năm 1992, trú tại bản S, thị trấn S, huyện S; Anh Thào A C sinh năm 2000, trú tại bản TC, xã H, huyện S; Anh Vàng A T sinh năm 2000, trú tại bản N, xã H, huyện S; Ông Tần Láo L sinh năm 1978, trú tại bản TX, xã T, huyện S là những người có tài liệu phản ánh việc vay tiền với Nguyễn Thị L, Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng những người này đều không có mặt tại địa phương nên không thể triệu tập, làm rõ và xử lý.

Ngoài những lần cho vay lãi nặng nêu trên, kết quả điều tra xác định bị cáo Nguyễn Thị L còn một số lần khác cho vay với lãi suất cao, gồm: Vào ngày 13/3/2022 ông Nguyễn Văn L sinh năm 1983, trú tại khu 2, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu vay 20.000.000 đồng dưới hình thức tín chấp bằng giấy chứng minh sỹ quan quân đội, thẻ Đảng viên với lãi suất 109,50%/năm; Ngày 14/01/2022 ông Tần A P sinh năm 1990, trú tại bản T X, xã T, huyện S, tỉnh Lai Châu vay của L số tiền 43.500.000 đồng với lãi suất 251,72%/năm và ngày 18/01/2022 ông P tiếp tục vay của L số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất 243,33%/năm; Từ ngày 15/7/2020 đến ngày 18/9/2020 bà Vũ Thị Ngọc B sinh năm 1986, trú tại khu 3, thị trấn S, huyện S 09 lần vay tiền của Nguyễn Thị L với tổng số tiền là 1.450.000.000 đồng đều vay với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương 109,50%/năm); Ngày 29/01/2022 ông Chèo A H sinh năm 1990, trú tại bản S, xã T, huyện S, tỉnh Lai Châu thế chấp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda biển kiểm soát 60Y3 - 4912 vay của L số tiền 4.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương 182,50%); Ngày 22/10/2021 anh Chèo Tông C sinh năm 2000, trú tại bản P, xã P, huyện S thế chấp xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, gắn biển kiểm soát 25B1 -23684 vay L số tiền 4.000.000 đồng với lãi suất 450.000 đồng/tháng (tương đương 136,88%/năm); Ngày 03/3/2022 anh Tần Chiêu M sinh năm 2002, trú tại bản S, xã T, huyện S, tỉnh Lai Châu gặp L thế chấp xe mô tô nhãn hiệu Honda Winnerx gắn biển kiểm soát 25B1 - 85930 vay số tiền 13.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương 182,50%); Vào năm 2018 bà Lò Thị S sinh năm 1977, trú tại bản P, xã P, huyện S và bà Lò Thị L sinh năm 1986 trú tại tổ 3, phường Q, thành phố L 02 lần vay L tổng số tiền 250.000.000 đồng với lãi suất 146,00%/năm đến 182,50%/năm; Ngày 29/01/2022 đến tháng 3/2022 anh Tần

A P sinh năm 1997, trú tại bản H, xã P, huyện S 02 lần thế chấp xe mô tô vay tổng số tiền 17.900.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương 182,50%). Đối với những lần cho vay này, mặc dù những người vay tiền đều khai nhận có việc cho vay lãi nặng như trên nhưng Nguyễn Thị L không thừa nhận việc cho vay lãi nặng như những người này khai báo. Do thời hạn điều tra đã hết và vụ án đã qua 02 lần trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhưng chứng cứ thu thập được vẫn chưa đủ cơ sở để kết luận việc L cho vay lãi nặng đối với những lần cho vay này để giải quyết trong cùng vụ án. Kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý đối với Nguyễn Thị L khi đủ căn cứ.

Tại bản kết luận giám định số 294/KL-KTHS ngày 09/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận:

“Phục hồi và trích xuất dữ liệu điện tử trong điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh, có số IMEI1: 860577044905111, IMEI2: 860577044905103 kèm theo hai sim Viettel, trên hàng sim có in hàng số lần lượt là: 8984048000031 657920; 8984048000056252596. Tìm thấy: 7.70 GB (8,274,622,523 bytes) dữ liệu.

Toàn bộ dữ liệu điện tử trên được nén trong 01 (một) tập tin có tên “dulieuKL294.rar”, dung lượng: 6.95 GB (7,464,132,246 bytes), có mã SHA-1 là: EF45BE6F45738C60BB9D10B0A862B8BD240C9361, kèm theo kết luận giám định”.

Tại bản kết luận giám định số 3210/KL - KTHS ngày 20/8/2022 của Viện khoa học Hình sự - Bộ Công an, kết luận:

“- Không tìm thấy dấu vết cắt ghép chỉnh sửa nội dung âm thanh trong các file ghi âm mẫu cần giám định.

- Tiếng nói của người nói giọng nữ xưng “chị, tao” được gọi là “L, chị” (ký hiệu “L” trong bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Nguyễn Thị L trong mẫu so sánh là của cùng một người.

- Nội dung các tệp ghi âm trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Nguyễn Thị L đã được dịch thành văn bản (chi tiết thể hiện trong bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định kèm theo).

Kèm theo kết luận giám định: 01 (một) bản dịch nội dung ghi âm mẫu”.

Tại bản cáo trạng số 88/CT-VKSLC-P1 ngày 30/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị L về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L từ 10 tháng đến 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/3/2022.

Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự: Phạt bổ sung từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự:

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị L: 01 thẻ ngân hàng LienVietPostBank số 4806990079958*** mang tên Nguyễn Thị L; 01 thẻ ngân hàng Agribank số 9704050958512*** mang tên Nguyễn Thị L; 01 sổ quản lý kinh doanh dịch vụ cầm đồ, tên cơ sở kinh doanh Minh C; 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh tên Nhà nghỉ Minh C, người đại diện Nguyễn Thị L; 01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số sổ: AB 2564*** tại Quỹ tín dụng nhân dân N, họ tên người gửi Nguyễn Thị L số tiền gửi 600.000.000 đồng; 01 giấy xác nhận tiền gửi tiết kiệm Online trên Ví Việt, chủ sở hữu Nguyễn Thị L số tiền 300.000.000 đồng; 01 giấy xác nhận tiền gửi tiết kiệm Online trên Ví Việt, chủ sở hữu Nguyễn Thị L số tiền 900.000.000 đồng; 01 giấy xác nhận tiền gửi tiết kiệm Online trên Ví Việt, chủ sở hữu Nguyễn Thị L số tiền 150.000.000 đồng; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 050573 mang tên Tần A P; 01 giấy chứng minh nhân dân số 045298441 mang tên Thào A C; 01 đăng ký mô tô, xe máy số 0000246 mang tên Vũ Văn T; 01 giấy chứng minh nhân dân số 040298117 mang tên Tần Láo L; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; 01 trang bổ sung giấy chứng nhận thửa đất số: 116, tờ bản đồ số 74, số phát hành GCN: CX329894 số vào sổ cấp giấy: CS03362; 01 hợp đồng cầm đồ ngày 14/11/2020, bên vay tiền cầm đồ D số điện thoại: 0383751115, đại diện cửa hàng cầm đồ Nguyễn Thị L, địa chỉ khu 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu, số tiền vay 6.000.000 đồng; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 020753 mang tên Triệu Chính Đ biển kiểm soát số 25B1 - 35382; 01 đăng ký mô tô, xe máy số: 029939 mang tên Nguyễn Thị Đ biển số đăng ký 60 Y3 - 4912; 01 giấy chứng minh nhân dân số 045243973 mang tên Tần A P; 01 biên bản giao tiền ngày 29/01/2022 người ký tên Tần A P; 01 hợp đồng cầm đồ ngày 28/01/2022, bên cầm đồ Chèo Tông C, số chứng minh nhân dân 045227345, số điện thoại 0946774651, đại diện cửa hàng cầm đồ Nguyễn Thị L, địa chỉ khu 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu, số tiền vay 1.000.000 đồng; 01 chứng minh nhân dân số 045277306 mang tên Tần Chiêu M; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 012219, tên chủ xe Tần Chiêu M, biển số đăng ký 25B1-85930 (bản sao); 01 biên bản, giao nhận tiền ngày 03/3/2020 số tiền 13.000.000 đồng mang tên Tần Chiêu M hộ khẩu T, S, Lai Châu; 01 hợp đồng cầm đồ ngày 19/11/2021, đại diện vay tiền, cầm đồ Vàng A S đại diện bên cầm đồ Nguyễn Thị L, địa chỉ khu 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu, số tiền vay 4.000.000 đồng; 01 hợp đồng thuê nhà, bên cho thuê Nguyễn Thị L sinh ngày 08/02/1974 địa chỉ khu 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu, bên thuê

Đỗ Đức H sinh ngày 12/11/1979 hộ khẩu thường trú: số 26, ngõ T, phường TP, quận Đ, thành phố Hà Nội; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell core5; 01 xe máy biển kiểm soát 25B1-58358, số khung RLHJA3915KY081063, số máy JA39E0937486, dung tích xi lanh 109cc; 01 xe máy biển kiểm soát 60Y3-4912 số khung RLHHC12039Y548 408, số máy HC12E1626849, dung tích xi lanh 97cc; 01 xe máy biển kiểm soát 66H1 - 31293 số khung RL1DCH3L1AA512788, số máy VZS152FMH512788, dung tích xi lanh 107 cc; 01 xe máy biển kiểm soát 25B1-35382 số khung RLCUG0610GY312067, số máy G3D4E327662, dung tích xi lanh 149cc; 01 xe máy biển kiểm soát 25B1-85930 số khung RLHKC3703MY816750, số máy KC34E1271127, dung tích xi lanh 149cc.

Trả lại cho bà Chèo Mỹ N: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Nguyễn Anh T, sinh năm 1981 và Chu Thị H sinh năm 1986 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Triệu Thị T, sinh năm 1965 hộ khẩu thường trú: Thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu.

Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh, có số IMEI1: 860577044905111, IMEI2: 860577044905103 kèm theo 02 sim Viettel.

Tiếp tục tạm giữ tổng số tiền 73.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Thị L để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo Nguyễn Thị L phải trả lại tổng số tiền là 311.350.684 đồng cho những người vay, cụ thể: Trả cho bà Trần Thị X 98.569.863 đồng; trả cho bà Trịnh Hồng H 145.205.479 đồng; trả cho bà Mùa Thị M 31.958.904 đồng; trả cho bà Chèo Mỹ N 35.616.438 đồng.

Truy thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo Nguyễn Thị L tổng số tiền là 302.049.316 đồng (trong đó: số tiền gốc cho vay là 240.000.000 đồng và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 62.049.316 đồng).

Truy thu sung quỹ Nhà nước của Chèo Mỹ N 1.000.000.000 đồng.

Tiếp tục phong tỏa tài khoản số 7803205041*** của Nguyễn Thị L, mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam-Chi nhánh tỉnh Lai Châu; phong tỏa các tài khoản của Nguyễn Thị L mở tại Ngân hàng LienVietPosBank-Chi nhánh tỉnh Lai Châu, gồm: Tài khoản số 030713180***, tài khoản số 030713180***, tài khoản số 030713180***, tài khoản số 030713180***; phong tỏa tài khoản của Nguyễn Thị L mở tại Quỹ tín dụng nhân dân N số AB 2564*** để đảm bảo thi hành án.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định nêu trên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lai Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và xét xử tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Vì mục đích tư lợi cá nhân nên trong thời gian từ năm 2018 đến đầu năm 2022, tại địa bàn huyện S, tỉnh Lai Châu, bị cáo Nguyễn Thị L đã liên tiếp, nhiều lần cho 04 người gồm: Bà Trần Thị X, bà Trịnh Hồng H, bà Mùa Thị M, bà Chèo Mý N vay 04 khoản với tổng số tiền 1.240.000.000 đồng, với lãi suất từ 103,46%/năm đến 182,50%/năm, gấp 5,17 đến 9,13 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và thu lợi bất chính tổng số tiền 311.350.684 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được việc cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi cá nhân nên vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo là người có đủ năng lực pháp luật để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Do đó, hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo không thành khẩn khai báo, tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có ông nội bị cáo là liệt sĩ, bố đẻ bị cáo được Hội đồng Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục bị cáo cũng như công tác phòng ngừa chung trong xã hội.

Do đó quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai và đúng quy định của pháp luật.

[4]. Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”. Xét thấy, cần phạt bị cáo với mức phạt 50.000.000 đồng.

[5] Về vật chứng của vụ án:

01 thẻ ngân hàng LienVietPostBank số 4806990079958*** mang tên Nguyễn Thị L; 01 thẻ ngân hàng Agribank số 9704050958512*** mang tên Nguyễn Thị L; 01 sổ quản lý kinh doanh dịch vụ cầm đồ, tên cơ sở kinh doanh Minh C; 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh tên Nhà nghỉ Minh C, người đại diện Nguyễn Thị L; 01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số sổ: AB 2564350 tại Quỹ tín dụng nhân dân N, họ tên người gửi Nguyễn Thị L số tiền gửi 600.000.000 đồng; 01 giấy xác nhận tiền gửi tiết kiệm Online trên Ví Việt, chủ sở hữu Nguyễn Thị L số tiền 300.000.000 đồng; 01 giấy xác nhận tiền gửi tiết kiệm Online trên Ví Việt, chủ sở hữu Nguyễn Thị L số tiền 900.000.000 đồng; 01 giấy xác nhận tiền gửi tiết kiệm Online trên Ví Việt, chủ sở hữu Nguyễn Thị L số tiền 150.000.000 đồng; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 050573 mang tên Tần A P; 01 giấy chứng minh nhân dân số 045298441 mang tên Thảo A C; 01 đăng ký mô tô, xe máy số 0000246 mang tên Vũ Văn T; 01 giấy chứng minh nhân dân số 040298117 mang tên Tần Láo L; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; 01 trang bổ sung giấy chứng nhận thửa đất số: 116, tờ bản đồ số 74, số phát hành GCN: CX329894 số vào sổ cấp giấy: CS03362; 01 hợp đồng cầm đồ ngày 14/11/2020, bên vay tiền cầm đồ D số điện thoại: 0383751115, đại diện cửa hàng cầm đồ Nguyễn Thị L, địa chỉ khu 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu, số tiền vay 6.000.000 đồng; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 020753 mang tên Triệu Chính Đ biển kiểm soát số 25B1- 35382; 01 đăng ký mô tô, xe máy số: 029939 mang tên Nguyễn Thị Đ biển số đăng ký 60 Y3 - 4912; 01 giấy chứng minh nhân dân số 045243973 mang tên Tần A P; 01 biên bản giao tiền ngày 29/01/2022 người ký tên Tần A P; 01 hợp đồng cầm đồ ngày 28/01/2022, bên cầm đồ Chèo Tông C, số chứng minh nhân dân 045227345, số điện thoại 0946774651, đại diện cửa hàng cầm đồ Nguyễn Thị L, địa chỉ khu 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu, số tiền vay 1.000.000 đồng; 01 chứng minh nhân dân số 045277306 mang tên Tần Chiêu M; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 012219, tên chủ xe Tần Chiêu M, biển số đăng ký 25B1-85930 (bản sao); 01 biên bản, giao nhận tiền ngày 03/3/2020 số tiền 13.000.000 đồng mang tên Tần Chiêu M hộ khẩu T, S, Lai Châu; 01 hợp đồng cầm đồ ngày 19/11/2021, đại diện vay tiền, cầm đồ Vàng A S đại diện bên cầm đồ Nguyễn Thị L, địa chỉ khu 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu, số tiền vay 4.000.000 đồng; 01 hợp đồng thuê nhà, bên cho thuê Nguyễn Thị

L sinh ngày 08/02/1974 địa chỉ khu 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu, bên thuê Đỗ Đức H sinh ngày 12/11/1979 hộ khẩu thường trú: số 26, ngõ T, phường Tr Phụng, quận Đ, thành phố Hà Nội; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell core5; 01 xe máy biển kiểm soát 25B1-58358, số khung RLHJA3915KY081063, số máy JA39E0937486, dung tích xi lanh 109cc; 01 xe máy biển kiểm soát 60Y3-4912 số khung RLHHC12039Y548408, số máy HC12E1626849, dung tích xi lanh 97cc; 01 xe máy biển kiểm soát 66H1- 31293 số khung RL1DCH3L1AA512788, số máy VZS152FMH512788, dung tích xi lanh 107 cc; 01 xe máy biển kiểm soát 25B1-35382 số khung RLCUG0610GY312067, số máy G3D4E327662, dung tích xi lanh 149cc; 01 xe máy biển kiểm soát 25B1-85930 số khung RLHKC3703 MY816750, số máy KC34E1271127, dung tích xi lanh 149cc. Xét thấy các thẻ, giấy tờ và tài sản trên không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo theo Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Nguyễn Anh T, sinh năm 1981 và Chu Thị H sinh năm 1986 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Triệu Thị T, sinh năm 1965 hộ khẩu thường trú: Thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu. Kết quả điều tra xác định là của Chèo Mỹ N đến thế chấp tại nhà bị cáo Nguyễn Thị L để vay tiền lãi nặng. Do đó cần trả lại cho Chèo Mỹ N theo Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh, có số IMEI1: 860577044905111, IMEI2: 860577044905103 kèm theo 02 sim Viettel là của bị cáo Nguyễn Thị L dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước theo điểm a khoản 2 Điều 106; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với tổng số tiền 73.000.000 đồng là của bị cáo Nguyễn Thị L, cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với tổng số tiền thu lợi bất chính là 311.350.684 đồng (số tiền lãi vượt quá 20%/năm), cần buộc bị cáo Nguyễn Thị L trả lại cho người vay theo Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự, cụ thể: Trả cho bà Trần Thị X 98.569.863 đồng; trả cho bà Trịnh Hồng H 145.205.479 đồng; trả cho bà Mùa Thị M 31.958.904 đồng; trả cho bà Chèo Mỹ N 35.616.438 đồng.

Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm bị cáo Nguyễn Thị L đã nhận là 62.049.316 đồng là tiền phát sinh từ tội phạm nên cần truy thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo L theo điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với số tiền gốc cho vay là 240.000.000 đồng, hiện người vay đã trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị L gồm: Bà Trần Thị X đã trả 40.000.000 đồng; bà Trịnh Hồng H đã trả 100.000.000 đồng; bà Mùa Thị M đã trả 100.000.000 đồng. Xét số tiền trên là phương tiện phạm tội nên cần truy thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo L

theo điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với số tiền gốc cho Chèo Mỹ N vay là 1.000.000.000 đồng, hiện N chưa trả cho bị cáo L nên cần truy thu của N số tiền trên để sung quỹ Nhà nước theo Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lai Châu đã phong tỏa tài khoản số 7803205041*** của Nguyễn Thị L, mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam-Chỉ nhánh tỉnh Lai Châu; phong tỏa các tài khoản của Nguyễn Thị L mở tại Ngân hàng LienVietPosBank - Chỉ nhánh tỉnh Lai Châu, gồm: Tài khoản số 030713180***, tài khoản số 030713180***, tài khoản số 030713180***, tài khoản số 030713180***; phong tỏa tài khoản số AB 2564*** của Nguyễn Thị L mở tại Quỹ tín dụng nhân dân N. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục phong tỏa các tài khoản trên của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7]. Kiến nghị: Đề nghị Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tiếp tục xác minh, làm rõ những lần cho vay khác của Nguyễn Thị L nhằm tránh lọt người, lọt tội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136, khoản 5 Điều 328, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 10 tháng 04 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/3/2022. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 13/01/2023, thời hạn tù của bị cáo bằng thời gian đã bị tạm giam. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Thị L nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Thị L 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

4. Về vật chứng của vụ án:

4.1. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị L: 01 thẻ ngân hàng LienVietPostBank số 4806990079958*** mang tên Nguyễn Thị L; 01 thẻ ngân hàng Agribank số 9704050958512*** mang tên Nguyễn Thị L; 01 sổ quản lý kinh doanh dịch vụ cầm đồ, tên cơ sở kinh doanh Minh C; 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh tên Nhà nghỉ Minh C, người đại diện Nguyễn Thị L; 01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số sổ: AB 2564*** tại Quỹ tín dụng nhân dân N, họ tên người gửi Nguyễn Thị L số tiền gửi 600.000.000 đồng; 01 giấy xác nhận tiền gửi tiết kiệm Online trên Ví Việt, chủ sở hữu Nguyễn Thị L số tiền 300.000.000 đồng; 01 giấy xác nhận tiền gửi tiết kiệm Online trên Ví Việt, chủ sở hữu Nguyễn Thị L số tiền 900.000.000 đồng; 01 giấy xác nhận tiền gửi tiết kiệm Online trên Ví Việt, chủ sở hữu Nguyễn Thị L số tiền 150.000.000 đồng; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 050573 mang tên Tần A P; 01 giấy chứng minh nhân dân số 045298441 mang tên Thào A C; 01 đăng ký mô tô, xe máy số 0000246 mang tên Vũ Văn T; 01 giấy chứng minh nhân dân số 040298117 mang tên Tần Láo L; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; 01 trang bổ sung giấy chứng nhận thửa đất số: 116, tờ bản đồ số 74, số phát hành GCN: CX329894 số vào sổ cấp giấy: CS03362; 01 hợp đồng cầm đồ ngày 14/11/2020, bên vay tiền cầm đồ D số điện thoại: 0383751115, đại diện cửa hàng cầm đồ Nguyễn Thị L, địa chỉ khu 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu, số tiền vay 6.000.000 đồng; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 020753 mang tên Triệu Chính Đ biển kiểm soát số 25B1- 35382; 01 đăng ký mô tô, xe máy số: 029939 mang tên Nguyễn Thị Đ biển số đăng ký 60 Y3 - 4912; 01 giấy chứng minh nhân dân số 045243973 mang tên Tần A P; 01 biên bản giao tiền ngày 29/01/2022 người ký tên Tần A P; 01 hợp đồng cầm đồ ngày 28/01/2022, bên cầm đồ Chèo Tông C, số chứng minh nhân dân 045227345, số điện thoại 0946774651, đại diện cửa hàng cầm đồ Nguyễn Thị L, địa chỉ khu 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu, số tiền vay 1.000.000 đồng; 01 chứng minh nhân dân số 045277306 mang tên Tần Chiêu M; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 012219, tên chủ xe Tần Chiêu M, biển số đăng ký 25B1-85930 (bản sao); 01 biên bản, giao nhận tiền ngày 03/3/2020 số tiền 13.000.000 đồng mang tên Tần Chiêu M hộ khẩu T, S, Lai Châu; 01 hợp đồng cầm đồ ngày 19/11/2021, đại diện vay tiền, cầm đồ Vàng A S đại diện bên cầm đồ Nguyễn Thị L, địa chỉ khu 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu, số tiền vay 4.000.000 đồng; 01 hợp đồng thuê nhà, bên cho thuê Nguyễn Thị L sinh ngày 08/02/1974 địa chỉ khu 5, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu, bên thuê Đỗ Đức H sinh ngày 12/11/1979 hộ khẩu thường trú: số 26, ngõ T, phường TP, quận Đ, thành phố Hà Nội; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell core5; 01 xe máy biển kiểm soát 25B1-58358, số khung RLHJA3915KY081063, số máy JA39E0937486, dung tích xi lanh 109cc; 01 xe máy biển kiểm soát 60Y3-4912 số khung RLHHC12039Y5 48408, số máy HC12E1626849, dung tích xi lanh 97cc; 01 xe máy biển kiểm soát 66H1 - 31293 số khung RL1DCH3L1AA512788, số máy VZS152FMH512788, dung tích xi lanh 107 cc; 01 xe máy biển kiểm soát 25B1-

35382 số khung RLCUG0610GY312067, số máy G3D4E327662, dung tích xi lanh 149cc; 01 xe máy biển kiểm soát 25B1-85930 số khung RLHKC3703MY816750, số máy KC34E1271127, dung tích xi lanh 149cc.

4.2. Trả cho bà Chèo Mỹ N: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Nguyễn Anh T, sinh năm 1981 và Chu Thị H sinh năm 1986 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Triệu Thị T, sinh năm 1965 hộ khẩu thường trú: Thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu.

4.3. Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh, có số IMEI1: 860577044905111, IMEI2: 860577044905103 kèm theo 02 sim Viettel.

4.4. Tiếp tục tạm giữ số tiền 73.000.000 đồng (*Bảy mươi ba triệu đồng*) của Nguyễn Thị Lan để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an tỉnh Lai Châu và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu vào hồi 16 giờ 10 phút ngày 05/12/2022).

4.5. Bị cáo Nguyễn Thị L phải trả lại tiền thu lợi bất chính cho những người vay tổng số là 311.350.684 đồng (*Ba trăm mười một triệu ba trăm năm mươi nghìn sáu trăm tám tư đồng*), cụ thể như sau:

- Trả cho bà Trần Thị X 98.569.863 đồng (*Chín mươi tám triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu ba đồng*).

- Trả cho bà Trịnh Hồng H 145.205.479 đồng (*Một trăm bốn mươi lăm triệu hai trăm linh lăm nghìn bốn trăm bảy chín đồng*).

- Trả cho bà Mùa Thị M 31.958.904 đồng (*Ba mươi một triệu chín trăm năm mươi tám nghìn chín trăm linh bốn đồng*).

- Trả cho bà Chèo Mỹ N 35.616.438 đồng (*Ba mươi lăm triệu sáu trăm mười sáu nghìn bốn trăm ba tám đồng*).

4.6. Truy thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo Nguyễn Thị L tổng số tiền là 302.049.316 đồng (*Ba trăm linh hai triệu không trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười sáu đồng*), trong đó 240.000.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi triệu đồng*) là tiền gốc cho vay, 62.049.316 đồng (*Sáu mươi hai triệu không trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười sáu đồng*) là tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm.

4.7. Truy thu sung quỹ Nhà nước của bà Chèo Mỹ N tổng số tiền là 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*).

4.8. Tiếp tục phong tỏa tài khoản số 7803205041*** của Nguyễn Thị L, mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam-Chi nhánh tỉnh Lai Châu; phong tỏa các tài khoản của Nguyễn Thị L mở tại Ngân hàng LienVietPosBank-Chi nhánh tỉnh Lai Châu, gồm: Tài khoản số 030713180***, tài khoản số 030713180***, tài khoản số 030713180***, tài khoản số 030713180***; phong tỏa tài khoản số AB2564*** của Nguyễn Thị L mở tại Quỹ tín dụng nhân dân N để đảm bảo thi hành án.

(Việc phong tỏa tài khoản theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 04, 05/LPT-CSHS ngày 17/3/2022, số 09, 10/LPT-CSĐT ngày 19, 22/4/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lai Châu. Đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lai Châu chuyển giao các Lệnh này cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu để tiến hành xử lý theo quy định của pháp luật).

5. Về án phí:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Công an tỉnh Lai Châu;
- Cục THADS tỉnh Lai Châu;
- Bị cáo; Người có QL&NVLQ;
- Trại Tạm giam;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Phương